TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2026/HNGĐ-ST
Ngày : 15/5/2026
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Cát Hoàng Trân**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Trần Ngọc Tây**

Bà **Nguyễn Thị Lý**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Việt Hà** - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 – Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Khánh Hòa tham gia phiên tòa*:* Bà **Nguyễn Cẩm Nhung** - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 – Khánh Hòa mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 455/2025/TLST-HNGĐ ngày 18/11/2025 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/4/2026 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông **Võ Anh T** – sinh năm: 1983
Địa chỉ: B L, chợ Q, Thành phố Hồ Chí Minh
Ông T có đơn xin xét xử vắng mặt.

* Bị đơn: Bà **Võ Thị Thanh L** – sinh năm: 1986
Địa chỉ: Tổ A V, Tây N, Khánh Hòa.
Bà L có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo như đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn ông Võ Anh T trình bày:*

Ông và bà Võ Thị Thanh L tự nguyện yêu thương nhau và có đăng ký kết hôn vào 25/4/2012 tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu rất hạnh phúc và có với nhau 02 con chung. Nhưng thời gian sau vợ chồng ông thường xuyên xảy ra mâu thuẫn dẫn đến không thể hàn gắn được. Hiện nay, ông và bà L đã ly thân không còn chung sống với nhau, hai bên cũng không còn liên lạc. Ông T xác định không còn tình cảm với bà L nữa nên ông yêu cầu ly hôn với bà L.

Về con chung: Có 02 con chung là Võ Lâm Thùy C, sinh ngày 12/7/2011 và cháu Võ Tiến K, sinh ngày 23/02/2022. Sau khi ly hôn bà L sẽ trực tiếp nuôi hai cháu.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết

Nợ chung: Không có

* *Theo bản tự khai, bị đơn bà Võ Thị Thanh L trình bày:* Về quan hệ hôn nhân bà thống nhất nội dung đơn khởi kiện. Nay ông T khởi kiện ly hôn với bà thì bà đồng ý vì hiện không còn tình cảm với nhau và đã ly thân.

Về con chung: Có 02 con chung là Võ Lâm Thùy C, sinh ngày 12/7/2011 và cháu Võ Tiến K, sinh ngày 23/02/2022. Sau khi ly hôn bà L mong muốn trực tiếp nuôi hai cháu và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết

Về nợ chung: Không có

Tại phiên tòa,

Các bên đương sự đều có đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt nên không ghi nhận lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Khánh Hòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Anh T và bà Võ Thị Thanh L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa theo Giấy chứng nhận kết hôn số 14/2012 ngày 25/4/2012, đây là hôn nhân hợp pháp. Theo lời trình bày của hai bên đương sự đều thừa nhận vợ chồng thời gian sau này phát sinh nhiều mâu thuẫn và hiện nay ông T và bà L không còn sống chung và không quan tâm hay chăm sóc lẫn nhau. Như vậy, mục đích hôn nhân của ông T và bà L không đạt được, ông T xin ly hôn và bà L đồng ý nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của hai bên đương sự về việc thuận tình ly hôn giữa ông Võ Anh T và bà Võ Thị Thanh L.

[3] Về con chung: Theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án ông T, bà L có hai con chung là Võ Lâm Thùy C, sinh ngày 12/7/2011 và cháu Võ Tiến K, sinh ngày 23/02/2022. Bà L có nguyện vọng tiếp tục nuôi hai con chung, ông T cũng thống nhất tự nguyện giao hai con chung cho bà L và cháu C có ý kiến được sống cùng với mẹ nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận giữa ông T và bà L về việc giao con chung là cháu Võ Lâm Thùy C và cháu Võ Tiến K cho bà L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các bên đương sự không yêu cầu giải

quyết tài sản chung và xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Án phí: Nguyên đơn ông Võ Anh T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 51, Điều 55, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

- Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn ông Võ Anh T

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Võ Anh T và bà Võ Thị Thanh L.

2. Về con chung: Giao hai con chung là Võ Lâm Thùy C, sinh ngày 12/7/2011 và cháu Võ Tiến K, sinh ngày 23/02/2022 cho bà Võ Thị Thanh L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục sau khi ly hôn.

Ông Võ Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của ông Võ Anh T do bà Võ Thị Thanh L không yêu cầu.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết ông Võ Anh T, bà Võ Thị Thanh L có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét.

5. Án phí: Ông Võ Anh T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) mà ông đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003845 ngày 18/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa. Ông T đã nộp đủ án phí.

Quy định:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ Tọa phiên tòa

- VKSND TP. Nha Trang;
- Chi cục THADS TP Nha Trang;
- UBND P. Phước Hòa – TP Nha Trang
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

Nguyễn Cát Hoàng Trân